

**Phụ lục I**  
**DANH MỤC DỰ ÁN ƯU TIÊN THU HÚT ĐẦU TƯ**  
**TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG, GIAI ĐOẠN 2026-2030**  
*(kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /9/2026*  
*của Ủy ban nhân dân thành phố)*

| TT       | Dự án                                | Địa điểm thực hiện                          | Dự kiến diện tích (ha) | Chủ trì đề xuất dự án                  |
|----------|--------------------------------------|---------------------------------------------|------------------------|----------------------------------------|
| <b>1</b> | <b>Dự án hạ tầng Khu công nghiệp</b> |                                             |                        |                                        |
| 1.1      | KCN Kim Thành 2 (giai đoạn 2)        | Xã Kim Thành                                | 202                    | Ban QL Khu kinh tế/Nhà đầu tư quan tâm |
| 1.2      | KCN Tam Hưng - Ngũ Lão               | KKT Đình Vũ - Cát Hải                       | 150 - 170              | Ban QL Khu kinh tế/Nhà đầu tư quan tâm |
| 1.3      | KCN Lạch Huyện 1                     | KKT Đình Vũ - Cát Hải                       | 620 - 660              | Ban QL Khu kinh tế/Nhà đầu tư quan tâm |
| 1.4      | KCN sân bay Tiên Lãng (Khu A)        | KKT ven biển phía Nam                       | 256                    | Ban QL Khu kinh tế/Nhà đầu tư quan tâm |
| 1.5      | KCN Trần Dương - Hòa Bình (Khu C)    | KKT ven biển phía Nam                       | 220 - 240              | Ban QL Khu kinh tế/Nhà đầu tư quan tâm |
| 1.6      | KCN Giang Biên II (GD 1)             | Xã Vĩnh Thuận                               | 189                    | Ban QL Khu kinh tế/Nhà đầu tư quan tâm |
| 1.7      | KCN Tam Đa                           | Xã Vĩnh Bảo                                 | 150 - 180              | Ban QL Khu kinh tế/Nhà đầu tư quan tâm |
| 1.8      | KCN An Hưng - Đại Bản                | Phường Hồng An                              | 200 - 220              | Ban QL Khu kinh tế/Nhà đầu tư quan tâm |
| 1.9      | KCN Thiên Hương                      | Phường Thiên Hương                          | 40 – 50                | Ban QL Khu kinh tế/Nhà đầu tư quan tâm |
| 1.10     | KCN Hưng Đạo                         | Xã Tân Kỳ, xã Đại Sơn                       | 200                    | Ban QL Khu kinh tế/Nhà đầu tư quan tâm |
| 1.11     | KCN Thanh Hà                         | Xã Hà Đông                                  | 145 - 150              | Ban QL Khu kinh tế/Nhà đầu tư quan tâm |
| 1.12     | KCN Bình Giang 2                     | KKT chuyên biệt Hải Phòng                   | 298                    | Ban QL Khu kinh tế/Nhà đầu tư quan tâm |
| 1.13     | KCN Đường An                         | Xã Đường An                                 | 325                    | Ban QL Khu kinh tế/Nhà đầu tư quan tâm |
| 1.14     | KCN Tứ Kỳ 1                          | Xã Đại Sơn                                  | 190 - 210              | Ban QL Khu kinh tế/Nhà đầu tư quan tâm |
| 1.15     | KCN Cộng Hòa 2                       | Phường Trần Hưng Đạo, Phường Trần Nhân Tông | 190                    | Ban QL Khu kinh tế/Nhà đầu tư quan tâm |
| 1.16     | KCN Nam Sách 1                       | Xã Trần Phú, xã An Phú                      | 280 - 310              | Ban QL Khu kinh tế/Nhà đầu tư quan tâm |

| TT   | Dự án                                                                            | Địa điểm thực hiện        | Dự kiến diện tích (ha) | Chủ trì đề xuất dự án                  |
|------|----------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|------------------------|----------------------------------------|
| 1.17 | KCN Bình Giang 3                                                                 | KKT chuyên biệt Hải Phòng | 200                    | Ban QL Khu kinh tế/Nhà đầu tư quan tâm |
| 1.18 | KCN Bình Giang 4                                                                 | KKT chuyên biệt Hải Phòng | 196                    | Ban QL Khu kinh tế/Nhà đầu tư quan tâm |
| 1.19 | KCN Bình Giang 5                                                                 | Xã Bình Giang, xã Kê Sặt  | 290 - 300              | Ban QL Khu kinh tế/Nhà đầu tư quan tâm |
| 1.20 | KCN Thanh Miện 1                                                                 | KKT chuyên biệt Hải Phòng | 200                    | Ban QL Khu kinh tế/Nhà đầu tư quan tâm |
| 1.21 | KCN Thanh Miện 2                                                                 | KKT chuyên biệt Hải Phòng | 200                    | Ban QL Khu kinh tế/Nhà đầu tư quan tâm |
| 1.22 | KCN phía Bắc đảo Cái Tráp                                                        | KKT Đình Vũ – Cát Hải     | 130 - 140              | Ban QL Khu kinh tế/Nhà đầu tư quan tâm |
| 1.23 | KCN Kim Thành 3                                                                  | Xã Lai Khê, Xã Phú Thái   | 240 - 270              | Ban QL Khu kinh tế/Nhà đầu tư quan tâm |
| 1.24 | KCN Bắc An Phụ (Thất Hùng)                                                       | Phường Bắc An Phụ         | 170 - 190              | Ban QL Khu kinh tế/Nhà đầu tư quan tâm |
| 1.25 | KCN Lưu Kiếm                                                                     | Phường Lưu Kiếm           | 170 - 200              | Ban QL Khu kinh tế/Nhà đầu tư quan tâm |
| 1.26 | KCN Kê Sặt                                                                       | Xã Kê Sặt                 | 170 - 200              | Ban QL Khu kinh tế/Nhà đầu tư quan tâm |
| 1.27 | KCN Gia Lộc 3 (mở rộng)                                                          | Xã Yết Kiêu               | 250 - 270              | Ban QL Khu kinh tế/Nhà đầu tư quan tâm |
| 1.28 | KCN Bắc Thanh Miện 1                                                             | KKT chuyên biệt Hải Phòng | 340 - 360              | Ban QL Khu kinh tế/Nhà đầu tư quan tâm |
| 1.29 | KCN Bắc Thanh Miện 2                                                             | KKT chuyên biệt Hải Phòng | 340 - 360              | Ban QL Khu kinh tế/Nhà đầu tư quan tâm |
| 1.30 | KCN Bắc Thanh Miện 3                                                             | KKT chuyên biệt Hải Phòng | 430 - 450              | Ban QL Khu kinh tế/Nhà đầu tư quan tâm |
| 1.31 | KCN Nguyễn Lương Bằng                                                            | KKT chuyên biệt Hải Phòng | 180 - 200              | Ban QL Khu kinh tế/Nhà đầu tư quan tâm |
| 1.32 | KCN Hải Hưng                                                                     | KKT chuyên biệt Hải Phòng | 140 - 160              | Ban QL Khu kinh tế/Nhà đầu tư quan tâm |
| 1.33 | KCN tiềm năng số 1 dự kiến (sắp xếp từ CCN: Nam Hồng - Hồng Phong, CCN Thái Tân) | Xã Nam Sách, xã Thái Tân  | 140 - 160              | Ban QL Khu kinh tế/Nhà đầu tư quan tâm |

| TT       | Dự án                                                                                                                         | Địa điểm thực hiện            | Dự kiến diện tích (ha) | Chủ trì đề xuất dự án                          |
|----------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|------------------------|------------------------------------------------|
| 1.34     | KCN tiềm năng số 2 dự kiến (sắp xếp từ CCN Lương Điền 2 và CCN Lương Điền 3)                                                  | Xã Cẩm Giàng                  | 100 - 120              | Ban QL Khu kinh tế/Nhà đầu tư quan tâm         |
| 1.35     | KCN tiềm năng số 3 dự kiến (sắp xếp từ CCN: Tân Phong - Hưng Thái, Quang Hưng, Hưng Long - Tân Phong, Tân Phong, Tân Phong 2) | Xã Hồng Châu, xã Tân An       | 320 - 350              | Ban QL Khu kinh tế/Nhà đầu tư quan tâm         |
| 1.36     | KCN tiềm năng số 4 dự kiến (sắp xếp từ CCN: Hồng Đức, An Đức)                                                                 | Xã Tân An                     | 130 - 160              | Ban QL Khu kinh tế/Nhà đầu tư quan tâm         |
| 1.37     | KCN tiềm năng số 5 dự kiến (sắp xếp từ CCN: Hưng Long, Hồng Phúc)                                                             | Xã Khúc Thừa Dụ, xã Hồng Châu | 120 - 140              | Ban QL Khu kinh tế/Nhà đầu tư quan tâm         |
| <b>2</b> | <b>Dự án hạ tầng Cụm công nghiệp</b>                                                                                          |                               |                        |                                                |
| 2.1      | CCN Quang Hưng                                                                                                                | Xã An Quang                   | 55                     | Sở Công Thương/UBND cấp xã/nhà đầu tư quan tâm |
| 2.2      | CCN Chiến Thắng 2                                                                                                             | Xã An Khánh, Xã An Hưng       | 50                     | Sở Công Thương/UBND cấp xã/nhà đầu tư quan tâm |
| 2.3      | CCN Thị trấn Tiên Lãng II                                                                                                     | Xã Tiên Lãng                  | 50                     | Sở Công Thương/UBND cấp xã/nhà đầu tư quan tâm |
| 2.4      | CCN Quyết Tiến 2                                                                                                              | Xã Tiên Lãng                  | 75                     | Sở Công Thương/UBND cấp xã/nhà đầu tư quan tâm |
| 2.5      | CCN Dũng Tiến-Giang Biên II                                                                                                   | Xã Vĩnh Thuận                 | 70                     | Sở Công Thương/UBND cấp xã/nhà đầu tư quan tâm |
| 2.6      | CCN Cát Hải                                                                                                                   | Đặc khu Cát Hải               | 20                     | Sở Công Thương/UBND cấp xã/nhà đầu tư quan tâm |
| 2.7      | CCN Quốc Tuấn                                                                                                                 | Xã An Quang                   | 50                     | Sở Công Thương/UBND cấp xã/nhà đầu tư quan tâm |
| 2.8      | CCN Cổ Am                                                                                                                     | Xã Vĩnh Am                    | 55                     | Sở Công Thương/UBND cấp xã/nhà đầu tư quan tâm |

| TT       | Dự án                                               | Địa điểm thực hiện      | Dự kiến diện tích (ha) | Chủ trì đề xuất dự án                          |
|----------|-----------------------------------------------------|-------------------------|------------------------|------------------------------------------------|
| 2.9      | CCN Thất Hùng 2                                     | Phường Bắc An Phụ       | 49                     | Sở Công Thương/UBND cấp xã/nhà đầu tư quan tâm |
| 2.10     | CCN Lại Xuân                                        | Xã Việt Khê             | 75                     | Sở Công Thương/UBND cấp xã/nhà đầu tư quan tâm |
| 2.11     | CCN An Sơn                                          | Xã Việt Khê             | 57                     | Sở Công Thương/UBND cấp xã/nhà đầu tư quan tâm |
| 2.12     | CCN Minh Hòa                                        | Phường Nguyễn Đại Năng  | 75                     | Sở Công Thương/UBND cấp xã/nhà đầu tư quan tâm |
| 2.13     | CCN Làng nghề Kẽ Sắt                                | Xã Cẩm Giàng, Xã Kẽ Sắt | 19                     | Sở Công Thương/UBND cấp xã/nhà đầu tư quan tâm |
| 2.14     | CCN Kiến Hải                                        | Xã Kiến Hải             | 45                     | Sở Công Thương/UBND cấp xã/nhà đầu tư quan tâm |
| <b>3</b> | <b>Dự án Nhà ở</b>                                  |                         |                        |                                                |
| 3.1      | Khu đô thị Nam Sách CENTRAL PARK                    | Xã Nam Sách             | 44,6                   | Ủy ban nhân dân cấp xã                         |
| 3.2      | Khu đô thị sinh thái Thanh Bình                     | Xã Thanh Hà             | 44,57                  | Ủy ban nhân dân cấp xã                         |
| 3.3      | Khu dân cư phía Tây thị trấn Phú Thái (PK B)        | xã Phú Thái             | 72,89                  | Ủy ban nhân dân cấp xã                         |
| 3.4      | Khu dân cư mới thôn Cổ Phục Nam (gđ1)               | xã Phú Thái             | 16,07                  | Ủy ban nhân dân cấp xã                         |
| 3.5      | Khu dân cư phía Đông thị trấn Phú Thái (Khu A và B) | Xã Phú Thái             | 94,04                  | Ủy ban nhân dân cấp xã                         |
| 3.6      | Khu đô thị hỗn hợp phía Đông đại lộ Võ Nguyên Giáp  | phường Thạch Khôi       | 162,2                  | Ủy ban nhân dân cấp xã                         |
| 3.7      | Dự án Điểm dân cư thôn Đào Lạng                     | Xã Hồng Châu            | 9,13                   | Ủy ban nhân dân cấp xã                         |
| 3.8      | Dự án Khu dân cư Nam Tân Trường                     | xã Mao Điền             | 13,58                  | Ủy ban nhân dân cấp xã                         |
| 3.9      | Khu đô thị Lưu Thượng, phường Kinh Môn              | Phường Kinh Môn         | 23,23                  | Ủy ban nhân dân cấp xã                         |

| TT   | Dự án                                                   | Địa điểm thực hiện                | Dự kiến diện tích (ha) | Chủ trì đề xuất dự án  |
|------|---------------------------------------------------------|-----------------------------------|------------------------|------------------------|
| 3.10 | Khu đô thị tại các quận Dương Kinh - Kiến An            | Phường Phù Liễn                   | 86,1                   | Ủy ban nhân dân cấp xã |
| 3.11 | Khu đô thị tại phường Minh Đức                          | phường Nam Đồ Sơn                 | 77,5                   | Ủy ban nhân dân cấp xã |
| 3.12 | Khu đô thị tại phường Anh Dũng                          | phường Dương Kinh và xã Kiến Minh | 50                     | Sở Xây dựng            |
| 3.13 | Khu đô thị Đông Hòn Ngọc tại các xã Tân Dương, Hoa Động | phường Thủy Nguyên                | 46,2                   | Ủy ban nhân dân cấp xã |
| 3.14 | Khu dân cư nông thôn tại xã Nhân Hòa                    | xã Vĩnh Bảo                       | 46,2                   | Ủy ban nhân dân cấp xã |
| 3.15 | Khu đô thị các xã An Tiến, An Thắng                     | Xã An Lão                         | 22,6                   | Ủy ban nhân dân cấp xã |
| 3.16 | Khu đô thị tại xã Thủy Sơn                              | Phường Thủy Nguyên                | 21,9                   | Ủy ban nhân dân cấp xã |
| 3.17 | Khu dân cư nông thôn tại các xã An Tiến, Trường Thành   | Xã An Lão và xã An Trường         | 65,1                   | Sở Xây dựng            |
| 3.18 | Khu dân cư nông thôn Thanh Sơn tại xã Kiến Thụy         | Xã Kiến Thụy                      | 7,1                    | Ủy ban nhân dân cấp xã |
| 3.19 | Khu đô thị mới Hùng Thắng, xã Hùng Thắng                | Xã Hùng Thắng                     | 46,33                  | Ủy ban nhân dân cấp xã |
| 3.20 | Khu đô thị Hoàng Tiến                                   | phường Trần Nhân Tông             | 37,55                  | Ủy ban nhân dân cấp xã |
| 3.21 | Khu dân cư mới Bãi Mạc, xã Thượng Quận                  | xã Phú Thái                       | 49,57                  | Ủy ban nhân dân cấp xã |
| 3.22 | Điểm dân cư thôn Đa Nghi 2                              | Xã Vĩnh Lại                       | 4,9                    | Ủy ban nhân dân cấp xã |
| 3.23 | Điểm dân cư và dịch vụ thương mại thôn Ngọc Hòa         | xã Ninh Giang                     | 9,95                   | Ủy ban nhân dân cấp xã |
| 3.24 | Khu dân cư phía Đông Nam thị trấn Gia Lộc               | xã Gia Lộc                        | 22,16                  | Ủy ban nhân dân cấp xã |
| 3.25 | Điểm dân cư xã Việt Hồng - Cẩm Chế                      | Xã Hà Bắc                         | 2,1                    | Ủy ban nhân dân cấp xã |
| 3.26 | Khu dân cư mới đường làng nghề thôn Hòa Loan            | Xã Nguyễn Lương Bằng              | 4,99                   | Ủy ban nhân dân cấp xã |

| TT   | Dự án                                                                                           | Địa điểm thực hiện                     | Dự kiến diện tích (ha) | Chủ trì đề xuất dự án  |
|------|-------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------|------------------------|------------------------|
| 3.27 | Khu dân cư mới thôn Cây, xã Long Xuyên - giai đoạn 1                                            | xã Bình Giang                          | 9,83                   | Ủy ban nhân dân cấp xã |
| 3.28 | Khu dân cư mới thôn Phan Chi                                                                    | Xã Phú Thái                            | 4,66                   | Ủy ban nhân dân cấp xã |
| 3.29 | Khu dân cư mới thôn Quyết Thắng (gđ1)                                                           | Xã Phú Thái                            | 19,98                  | Ủy ban nhân dân cấp xã |
| 3.30 | Khu dân cư mới xã Thượng Vũ (gđ1)                                                               | xã Lai Khê                             | 13,03                  | Ủy ban nhân dân cấp xã |
| 3.31 | Khu dân cư Yết Kiêu - Trùng Khánh, xã Yết Kiêu                                                  | Xã Yết Kiêu                            | 9,39                   | Ủy ban nhân dân cấp xã |
| 3.32 | Khu dân cư mới thôn Tất Thượng, xã Lạc Phượng                                                   | Xã Lạc Phượng                          | 4,6                    | Ủy ban nhân dân cấp xã |
| 3.33 | Khu dân cư mới ven sông Cầu Sái, xã An Thành                                                    | Xã An Thành                            | 10,71                  | Ủy ban nhân dân cấp xã |
| 3.34 | Khu dân cư mới xã An Thành                                                                      | Xã An Thành                            | 15                     | Ủy ban nhân dân cấp xã |
| 3.35 | Khu dân cư Hưng Đạo, xã Đại Sơn                                                                 | Xã Đại Sơn                             | 18,12                  | Ủy ban nhân dân cấp xã |
| 3.36 | Khu đất thực hiện dự án đầu tư xây dựng khu đô thị tại thị trấn An Lão, xã An Tiến, xã An Thắng | Xã An Lão                              | 33,7                   | Ủy ban nhân dân cấp xã |
| 3.37 | Khu nông thôn tại xã Đông Phương                                                                | Xã Kiến Minh                           | 83,6                   | Ủy ban nhân dân cấp xã |
| 3.38 | Khu dân cư nông thôn tại xã Thụy Hương                                                          | Xã Kiến Thụy                           | 10                     | Ủy ban nhân dân cấp xã |
| 3.39 | Khu đô thị tại xã Hoa Động                                                                      | Phường Thiên Hương                     | 49,6                   | Ủy ban nhân dân cấp xã |
| 3.40 | Khu đô thị tại các xã Hoa Động, Lâm Động                                                        | Phường Thủy Nguyên, phường Thiên Hương | 46,1                   | Sở Xây dựng            |
| 3.41 | Khu đô thị, dịch vụ du lịch Cát Đồn                                                             | đặc khu Cát Hải                        | 157,51                 | Ủy ban nhân dân cấp xã |
| 3.42 | Khu dân cư nông thôn mới Xuân Đám tại xã Xuân Đám                                               | đặc khu Cát Hải                        | 13,97                  | Ủy ban nhân dân cấp xã |
| 3.43 | Khu đô thị Hoa Động, Lâm Động                                                                   | Phường Thiên Hương, phường Thủy Nguyên | 48,2                   | Sở Xây dựng            |

| TT       | Dự án                                                                                                                                  | Địa điểm thực hiện                                                                                                                                                    | Dự kiến diện tích (ha)    | Chủ trì đề xuất dự án                          |
|----------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|------------------------------------------------|
| 3.44     | Điểm dân cư mới xã An Phú                                                                                                              | Xã An Phú                                                                                                                                                             | 3,89                      | Ủy ban nhân dân cấp xã                         |
| 3.45     | Khu dân cư mới xã Bình Giang                                                                                                           | Xã Bình Giang                                                                                                                                                         | 39                        | Ủy ban nhân dân cấp xã                         |
| 3.46     | Khu dân cư Chợ Anh                                                                                                                     | Xã Yết Kiêu                                                                                                                                                           | 16,9                      | Ủy ban nhân dân cấp xã                         |
| 3.47     | Khu dân cư nông thôn mới tại xã An Trường                                                                                              | Xã An Trường                                                                                                                                                          | 9,98                      | Ủy ban nhân dân cấp xã                         |
| 3.48     | Khu đô thị mới tại xã An Trường                                                                                                        | Xã An Trường                                                                                                                                                          | 62,5                      | Ủy ban nhân dân cấp xã                         |
| 3.49     | Khu dân cư nông thôn xứ đồng Chin                                                                                                      | Xã Vĩnh Bảo                                                                                                                                                           | 9,91                      | Ủy ban nhân dân cấp xã                         |
| 3.50     | Khu đô thị du lịch nghỉ dưỡng, sinh thái, thể thao, vui chơi giải trí Hồ Bến Tắm                                                       | Phường Nguyễn Trãi                                                                                                                                                    | 502,63                    | Ủy ban nhân dân cấp xã                         |
| 3.51     | Dự án đầu tư xây dựng Khu NOXH thuộc Khu đô thị mới phía Đông thành phố Chí Linh                                                       | Phường Trần Hưng Đạo                                                                                                                                                  | 2,89                      | Sở Xây dựng/nhà đầu tư quan tâm                |
| 3.52     | Các dự án nhà ở khác phù hợp quy hoạch, chương trình phát triển nhà, kế hoạch phát triển nhà và quy định pháp luật liên quan           |                                                                                                                                                                       |                           |                                                |
| <b>4</b> | <b>Hạ tầng kỹ thuật (giao thông, cảng thủy, bến thủy, cảng thủy nội địa, ICD...)</b>                                                   |                                                                                                                                                                       |                           |                                                |
| 4.1      | Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường kết nối Đông Tây thành phố Hải Phòng, đoạn từ đường Tỉnh Thủy đến cuối tuyến (Km3+188 - Km23+589,40) | Các xã, phường: An Phong, Kim Thành, Hà Nam, Thanh Hà, Hà Tây, Nam Đồng, Ái Quốc, Hà Bắc                                                                              | Theo Báo cáo NCKT Dự án   | Nhà đầu tư quan tâm.                           |
| 4.2      | Dự án xây dựng trục kết nối cảng Lạch Huyện với sân bay Gia Bình                                                                       | Các xã, phường: Lưu Kiếm, Lê Ích Mộc, Nguyễn Đại Năng, Kinh Môn, Trần Liễu, Phạm Sư Mạnh, Bắc An Phú, Lê Đại Hành, Trần Phú, Hợp Tiến; và xã Trung Khê, tỉnh Bắc Ninh | Theo đề xuất dự án đầu tư | Sở, ban, ngành chuyên môn/Nhà đầu tư quan tâm. |

| TT  | Dự án                                                                                                                                                               | Địa điểm thực hiện                                                                                               | Dự kiến diện tích (ha)    | Chủ trì đề xuất dự án                          |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|------------------------------------------------|
| 4.3 | Dự án xây dựng trục kết nối cảng Lạch Huyện với sân bay Gia Bình (đoạn từ Quốc lộ 10 đến ga Ninh Xá)                                                                | Các xã, phường: Lưu Kiếm, Lê Ích Mộc, Nguyễn Đại Năng, Kinh Môn, Trần Liễu, Phạm Sư Mạnh, Bắc An Phụ             | Theo đề xuất dự án đầu tư | Sở, ban, ngành chuyên môn/Nhà đầu tư quan tâm. |
| 4.4 | Dự án xây dựng trục kết nối cảng Lạch Huyện với sân bay Gia Bình (đoạn từ ga Ninh Xá đến cầu Kênh Vàng)                                                             | Các xã, phường: Bắc An Phụ, Lê Đại Hành, Trần Phú, Hợp Tiến, thành phố Hải Phòng và xã Trung Kênh, tỉnh Bắc Ninh | Theo đề xuất dự án đầu tư | Sở, ban, ngành chuyên môn/Nhà đầu tư quan tâm. |
| 4.5 | Dự án Đầu tư xây dựng hoàn thiện tuyến đường Vành đai 3 đoạn tuyến từ nút giao Hưng Đạo (Vành đai 2) đến nút giao Quốc lộ 10                                        | Các xã, phường: Hưng Đạo, Phù Liễn, An Khánh, An Lão                                                             | Theo đề xuất dự án đầu tư | Sở, ban, ngành chuyên môn/Nhà đầu tư quan tâm. |
| 4.6 | Dự án đầu tư tuyến đường nối Quốc lộ 5 với Quốc lộ 10 (đoạn từ đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng đến cầu Khuê)                                                       | Các xã Kiến Thụy, An Khánh, An Hưng, Tiên Lãng                                                                   | Theo Báo cáo NCKT Dự án   | Sở, ban, ngành chuyên môn/Nhà đầu tư quan tâm. |
| 4.7 | Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường cầu Rào 3 (từ cuối Dự án Vinhomes Dương Kinh đến đường bộ ven biển, bao gồm cầu vượt cao tốc và giải phóng mặt bằng vùng phụ cận) | Các phường Dương Kinh, Nam Đồ Sơn                                                                                | Theo Báo cáo NCKT Dự án   | Sở, ban, ngành chuyên môn/Nhà đầu tư quan tâm. |
| 4.8 | Dự án đầu tư xây dựng công viên bờ Nam sông Cấm đoạn từ cầu Nguyễn Trãi đến cầu Máy Chai                                                                            | Phường Ngô Quyền                                                                                                 | Theo Báo cáo NCKT Dự án   | Sở, ban, ngành chuyên môn/Nhà đầu tư quan tâm. |
| 4.9 | Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường dọc mương An Kim Hải (đoạn từ nút giao khác mức Nguyễn Văn Linh - Tôn Đức Thắng đến cầu Đen)                                      | Các phường An Dương và An Hải                                                                                    | Theo Báo cáo NCKT Dự án   | Sở, ban, ngành chuyên môn/Nhà đầu tư quan tâm. |

| TT   | Dự án                                                                                                                                                                           | Địa điểm thực hiện                               | Dự kiến diện tích (ha)  | Chủ trì đề xuất dự án                                     |
|------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|-------------------------|-----------------------------------------------------------|
| 4.10 | Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường Vành đai 2 (đoạn từ Quốc lộ 10 đến chân cầu vượt sông Cẩm, phía phường Thủy Nguyên và phường Thiên Hương)                                     | Các phường Thiên Hương, Thủy Nguyên và Nam Triệu | Theo Báo cáo NCKT Dự án | Sở, ban, ngành chuyên môn/Nhà đầu tư quan tâm.            |
| 4.11 | Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường từ đường Lê Thánh Tông dọc theo tuyến đường Đông Bắc đến đường Lê Hồng Phong và tuyến đường nối đường Lê Quang Đạo với hồ Tiên Nga            | Các phường Ngô Quyền và Gia Viên, Đông Hải       | Theo Báo cáo NCKT Dự án | Sở, ban, ngành chuyên môn/Nhà đầu tư quan tâm.            |
| 4.12 | Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường trục đô thị (tỉnh lộ 359C) đoạn từ nút giao đường tỉnh 359C - Máng nước đến nút giao Quốc lộ 10 tại xã Kênh Giang, thành phố Thủy Nguyên (cũ) | Các phường: Thủy Nguyên, Hòa Bình, Lưu Kiếm      | Theo Báo cáo NCKT Dự án | Sở, ban, ngành chuyên môn/Nhà đầu tư quan tâm.            |
| 4.13 | Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường Vành đai 2 (đoạn từ đường Nguyễn Trường Tộ, phường An Hải đến chân cầu Bến Lâm, phường Thủy Nguyên)                                           | Các phường An Hải, Hồng Bàng và Thủy Nguyên      | Theo Báo cáo NCKT Dự án | Sở, ban, ngành chuyên môn/Nhà đầu tư quan tâm.            |
| 4.14 | Cảng thủy nội địa xã Đại Sơn                                                                                                                                                    | Xã Đại Sơn                                       | 10                      | Sở, ban, ngành chuyên môn/UBND cấp xã                     |
| 4.15 | Cảng thủy nội địa xã Nguyên Giáp                                                                                                                                                | Xã Nguyên Giáp                                   | 10                      | Sở, ban, ngành chuyên môn/UBND cấp xã                     |
| 4.16 | Các dự án khác phù hợp quy hoạch và quy định pháp luật liên quan                                                                                                                |                                                  |                         |                                                           |
| 5    | <b>Dịch vụ Thương mại (trung tâm logistics, siêu thị, thương mại, khách sạn, văn phòng, dịch vụ thương mại khác...)</b>                                                         |                                                  |                         |                                                           |
| 5.1  | Trung tâm logistics Lạch Huyện                                                                                                                                                  | Đặc khu Cát Hải (khu vực cảng Lạch Huyện)        | 300 - 650               | Sở, ban, ngành chuyên môn/UBND cấp xã/nhà đầu tư quan tâm |
| 5.2  | Trung tâm logistics Tràng Duệ                                                                                                                                                   | Phường An Dương                                  | 30 - 100                | Sở, ban, ngành chuyên môn/UBND cấp xã/nhà đầu tư quan tâm |

| TT   | Dự án                                      | Địa điểm thực hiện                                             | Dự kiến diện tích (ha) | Chủ trì đề xuất dự án                                     |
|------|--------------------------------------------|----------------------------------------------------------------|------------------------|-----------------------------------------------------------|
| 5.3  | Trung tâm logistics Tiên Lãng              | Xã Hùng Thắng (khu vực trung tâm Tiên Lãng)                    | 100 - 300              | Sở, ban, ngành chuyên môn/UBND cấp xã/nhà đầu tư quan tâm |
| 5.4  | Trung tâm logistics Trảng Cát              | Phường Hải An (KCN Trảng Cát)                                  | 30 - 50                | Sở, ban, ngành chuyên môn/UBND cấp xã/nhà đầu tư quan tâm |
| 5.5  | Trung tâm logistics An Lão                 | Xã An Lão                                                      | 30 - 100               | Sở, ban, ngành chuyên môn/UBND cấp xã/nhà đầu tư quan tâm |
| 5.6  | Trung tâm logistics Kiến Thụy              | Xã Kiến Thụy (đọc cao tốc Hà Nội - Hải Phòng)                  | 10 - 50                | Sở, ban, ngành chuyên môn/UBND cấp xã/nhà đầu tư quan tâm |
| 5.7  | Trung tâm logistics Nam Đồ Sơn             | Phường Nam Đồ Sơn/Xã Kiến Hải (đọc đường bộ ven biển/khu cảng) | 200 - 300              | Sở, ban, ngành chuyên môn/UBND cấp xã/nhà đầu tư quan tâm |
| 5.8  | Trung tâm Logistics Hải Dương              | Phường Việt Hòa                                                | 10 - 20                | Sở, ban, ngành chuyên môn/UBND cấp xã/nhà đầu tư quan tâm |
| 5.9  | Trung tâm Logistics Thanh Hà               | Xã Hà Đông                                                     | 10 - 20                | Sở, ban, ngành chuyên môn/UBND cấp xã/nhà đầu tư quan tâm |
| 5.10 | Trung tâm Logistics Gia Lộc                | Xã Gia Phúc                                                    | 10 - 20                | Sở, ban, ngành chuyên môn/UBND cấp xã/nhà đầu tư quan tâm |
| 5.11 | Trung tâm Logistics Cẩm Giàng              | Xã Mao Điền                                                    | 10 - 20                | Sở, ban, ngành chuyên môn/UBND cấp xã/nhà đầu tư quan tâm |
| 5.12 | Trung tâm Logistics Trảng Cát 2            | Phường Hải An                                                  | 15 - 20                | Sở, ban, ngành chuyên môn/UBND cấp xã/nhà đầu tư quan tâm |
| 5.13 | Trung tâm logistics Tân Vũ                 | Phường Hải An                                                  | 60 - 70                | Sở, ban, ngành chuyên môn/UBND cấp xã/nhà đầu tư quan tâm |
| 5.14 | Trung tâm logistics Thủy Nguyên - VSIP 2   | Phường Hòa Bình                                                | 10 - 20                | Sở, ban, ngành chuyên môn/UBND cấp xã/nhà đầu tư quan tâm |
| 5.15 | Các Trung tâm logistics phía Bắc Hải Phòng | Khu kinh tế phía Bắc Hải Phòng (Khu kinh tế chuyên biệt)       | 200 - 500              | Sở, ban, ngành chuyên môn/UBND cấp xã/nhà đầu tư quan tâm |

| TT   | Dự án                                                            | Địa điểm thực hiện                            | Dự kiến diện tích (ha)                  | Chủ trì đề xuất dự án                                     |
|------|------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------|-----------------------------------------|-----------------------------------------------------------|
| 5.16 | Các Trung tâm logistics phía Tây Hải Phòng                       | Khu kinh tế chuyên biệt Hải Phòng             | 100 - 200                               | Sở, ban, ngành chuyên môn/UBND cấp xã/nhà đầu tư quan tâm |
| 5.17 | Cụm Trung tâm logistics Cảng Nam Đồ Sơn                          | Phường Nam Đồ Sơn, xã Kiến Hải, xã Hùng Thắng | 2.500 - 3.000                           | Sở, ban, ngành chuyên môn/UBND cấp xã/nhà đầu tư quan tâm |
| 5.18 | Các dự án khác phù hợp quy hoạch và quy định pháp luật liên quan |                                               |                                         | Sở, ban, ngành chuyên môn/UBND cấp xã/nhà đầu tư quan tâm |
| 6    | <b>Các dự án Chợ</b>                                             |                                               |                                         |                                                           |
| 6.1  | Chợ Phe xã Hồng Hưng                                             | Xã Gia Phúc                                   | 2                                       | UBND cấp xã/nhà đầu tư quan tâm                           |
| 6.2  | Khu chợ dịch vụ thương mại Kim Tân, xã An Thành                  | Xã An Thành                                   | 2,68                                    | UBND cấp xã/nhà đầu tư quan tâm                           |
| 6.3  | Khu chợ dịch vụ thương mại Tuấn Việt, xã Lai Khê                 | Xã Lai Khê                                    | 1,16                                    | UBND cấp xã/nhà đầu tư quan tâm                           |
| 6.4  | Các dự án khác phù hợp quy hoạch và quy định pháp luật liên quan |                                               |                                         |                                                           |
| 7    | <b>Y tế</b>                                                      |                                               |                                         |                                                           |
| 7.1  | Bệnh viện Đa khoa                                                | Phường Thủy Nguyên                            | Theo quy hoạch được duyệt/đề xuất dự án | Sở, ban, ngành chuyên môn/UBND cấp xã/nhà đầu tư quan tâm |
| 7.2  | Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Hải Phòng - An Lão                     | Xã An Lão                                     | Theo quy hoạch được duyệt/đề xuất dự án | Sở, ban, ngành chuyên môn/UBND cấp xã/nhà đầu tư quan tâm |
| 7.3  | Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Hải Phòng - Cát Bà                     | Đặc khu Cát Hải                               | Theo quy hoạch được duyệt/đề xuất dự án | Sở, ban, ngành chuyên môn/UBND cấp xã/nhà đầu tư quan tâm |
| 7.4  | Bệnh viện Đa khoa Quốc tế - Tiên Lãng                            | Xã Tiên Lãng                                  | Theo quy hoạch được duyệt/đề xuất dự án | Sở, ban, ngành chuyên môn/UBND cấp xã/nhà đầu tư quan tâm |
| 7.5  | Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Hải Phòng - Cát Bi                     | Phường Hải An                                 | 1,39                                    | Sở, ban, ngành chuyên môn/UBND cấp xã/nhà đầu tư quan tâm |

| TT   | Dự án                                                                                                                                     | Địa điểm thực hiện     | Dự kiến diện tích (ha)                  | Chủ trì đề xuất dự án                                     |
|------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|-----------------------------------------|-----------------------------------------------------------|
| 7.6  | Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Thủy Nguyên                                                                                                     | Phường Thủy Nguyên     | Theo quy hoạch được duyệt/đề xuất dự án | Sở, ban, ngành chuyên môn/UBND cấp xã/nhà đầu tư quan tâm |
| 7.7  | Bệnh viện Đa khoa Quốc tế An Dương                                                                                                        | Phường An Dương        | Theo quy hoạch được duyệt/đề xuất dự án | Sở, ban, ngành chuyên môn/UBND cấp xã/nhà đầu tư quan tâm |
| 7.8  | Bệnh viện chuyên khoa Ung bướu                                                                                                            | Trên địa bàn thành phố | Theo quy hoạch được duyệt/đề xuất dự án | Sở, ban, ngành chuyên môn/UBND cấp xã/nhà đầu tư quan tâm |
| 7.9  | Bệnh viện chuyên khoa Tim mạch                                                                                                            | Trên địa bàn thành phố | Theo quy hoạch được duyệt/đề xuất dự án | Sở, ban, ngành chuyên môn/UBND cấp xã/nhà đầu tư quan tâm |
| 7.10 | Bệnh viện chuyên khoa Lão khoa                                                                                                            | Trên địa bàn thành phố | Theo quy hoạch được duyệt/đề xuất dự án | Sở, ban, ngành chuyên môn/UBND cấp xã/nhà đầu tư quan tâm |
| 7.11 | Bệnh viện đa khoa, Trung tâm chăm sóc sức khỏe người cao tuổi                                                                             | Phường Kiến An         | 4,6                                     | Sở, ban, ngành chuyên môn/UBND cấp xã/nhà đầu tư quan tâm |
| 7.12 | Bệnh viện đa khoa                                                                                                                         | Phường An Biên         | 1,25                                    | Sở, ban, ngành chuyên môn/UBND cấp xã/nhà đầu tư quan tâm |
| 7.13 | Bệnh viện đa khoa và Trung tâm Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi                                                                           | Phường Thạch Khôi      | 9,34                                    | Sở, ban, ngành chuyên môn/UBND cấp xã/nhà đầu tư quan tâm |
| 7.14 | Bệnh viện Ung bướu                                                                                                                        | Phường Thạch Khôi      | 3,4                                     | Sở, ban, ngành chuyên môn/UBND cấp xã/nhà đầu tư quan tâm |
| 7.15 | Bệnh viện đa khoa                                                                                                                         | Phường Thạch Khôi      | 3,2                                     | Sở, ban, ngành chuyên môn/UBND cấp xã/nhà đầu tư quan tâm |
| 7.16 | Phát triển các phòng khám đa khoa, phòng khám chuyên khoa, Trung tâm chăm sóc sức khỏe người cao tuổi và Bệnh viện tư nhân chất lượng cao | Trên địa bàn thành phố | Theo quy hoạch được duyệt/đề xuất dự án | Sở, ban, ngành chuyên môn/UBND cấp xã/nhà đầu tư quan tâm |

| TT       | Dự án                                                                                                                     | Địa điểm thực hiện            | Dự kiến diện tích (ha)                  | Chủ trì đề xuất dự án                                     |
|----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|-----------------------------------------|-----------------------------------------------------------|
| 7.17     | Phát triển các Viện Dưỡng lão tư nhân có tiềm năng                                                                        | Trên địa bàn thành phố        | Theo quy hoạch được duyệt/đề xuất dự án | Sở, ban, ngành chuyên môn/UBND cấp xã/nhà đầu tư quan tâm |
| 7.18     | Bệnh viện đa khoa tại lô đất YT thuộc Trung tâm văn hóa thể thao, thương mại và đô thị Chí Linh                           | Phường Trần Hưng Đạo          | 2,28                                    | Sở, ban, ngành chuyên môn/UBND cấp xã/nhà đầu tư quan tâm |
| 7.19     | Cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc nâng cao sức khỏe người cao tuổi tại xã Bạch Đằng và phường Minh Đức, thành phố Thủy Nguyên | Phường Thủy Nguyên            | 120                                     | Sở, ban, ngành chuyên môn/UBND cấp xã/nhà đầu tư quan tâm |
| 7.20     | Dự án Cụm Bệnh viện đa khoa quốc tế Hải Dương trên địa bàn phường Lê Thanh Nghị                                           | Phường Lê Thanh Nghị          | 2                                       | Sở, ban, ngành chuyên môn/UBND cấp xã/nhà đầu tư quan tâm |
| 7.21     | Các dự án khác phù hợp quy hoạch và quy định pháp luật liên quan                                                          |                               |                                         |                                                           |
| <b>8</b> | <b>Giáo dục, dạy nghề (03 dự án)</b>                                                                                      |                               |                                         |                                                           |
| 8.1      | Trung tâm giáo dục nghề nghiệp và sát hạch lái xe                                                                         | Phường Nam Triệu              | 5,2                                     | Sở, ban, ngành chuyên môn/UBND cấp xã/nhà đầu tư quan tâm |
| 8.2      | Khu đất Giáo dục tại phường Thạch Khôi                                                                                    | Phường Thạch Khôi             | 3,02                                    | Sở, ban, ngành chuyên môn/UBND cấp xã/nhà đầu tư quan tâm |
| 8.3      | Trường trung học phổ thông tại phường Đồng Hòa, quận Kiến An                                                              | phường Đồng Hòa, quận Kiến An | 2,01                                    | Sở, ban, ngành chuyên môn/UBND cấp xã/nhà đầu tư quan tâm |
| 8.4      | Các dự án khác phù hợp quy hoạch và quy định pháp luật liên quan                                                          |                               |                                         |                                                           |
| <b>9</b> | <b>Thể thao</b>                                                                                                           |                               |                                         |                                                           |
| 9.1      | Sân gôn Gia Đức                                                                                                           | Phường Bạch Đằng              | Theo quy hoạch được duyệt/đề xuất dự án | Sở, ban, ngành chuyên môn/UBND cấp xã/nhà đầu tư quan tâm |

| TT        | Dự án                                                                                                                               | Địa điểm thực hiện   | Dự kiến diện tích (ha)                  | Chủ trì đề xuất dự án                                     |
|-----------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|-----------------------------------------|-----------------------------------------------------------|
| 9.2       | Sân gôn Tiên Lãng                                                                                                                   | Xã Tiên Minh         | Theo quy hoạch được duyệt/đề xuất dự án | Sở, ban, ngành chuyên môn/UBND cấp xã/nhà đầu tư quan tâm |
| 9.3       | Sân gôn Hồ Bến Tắm                                                                                                                  | Phường Nguyễn Trãi   | Theo quy hoạch được duyệt/đề xuất dự án | Sở, ban, ngành chuyên môn/UBND cấp xã/nhà đầu tư quan tâm |
| 9.4       | Sân gôn Nam Đồng                                                                                                                    | Phường Nam Đồng      | Theo quy hoạch được duyệt/đề xuất dự án | Sở, ban, ngành chuyên môn/UBND cấp xã/nhà đầu tư quan tâm |
| 9.5       | Sân gôn Hiệp Hoà                                                                                                                    | Phường Trần Liễu     | Theo quy hoạch được duyệt/đề xuất dự án | Sở, ban, ngành chuyên môn/UBND cấp xã/nhà đầu tư quan tâm |
| 9.6       | Sân gôn ven sông Cửu An                                                                                                             | Xã Tân An            | Theo quy hoạch được duyệt/đề xuất dự án | Sở, ban, ngành chuyên môn/UBND cấp xã/nhà đầu tư quan tâm |
| 9.7       | Sân gôn Hồ Vền                                                                                                                      | Phường Trần Hưng Đạo | Theo quy hoạch được duyệt/đề xuất dự án | Sở, ban, ngành chuyên môn/UBND cấp xã/nhà đầu tư quan tâm |
| <b>10</b> | <b>Xử lý môi trường (Tái chế, xử lý chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp, xử lý chất thải rắn, nước thải, khí thải...)</b> |                      |                                         |                                                           |
| 10.1      | Khu xử lý chất thải Trần Dương                                                                                                      | Xã Nguyễn Bình Khiêm | 80                                      | Sở, ban, ngành chuyên môn/UBND cấp xã/nhà đầu tư quan tâm |
| 10.2      | Khu xử lý chất thải phía Bắc Thủy Nguyên                                                                                            | Phường Bạch Đằng     | 80                                      | Sở, ban, ngành chuyên môn/UBND cấp xã/nhà đầu tư quan tâm |
| 10.3      | Khu xử lý chất thải Quang Trung-Quang Hưng                                                                                          | Xã An Quang          | 4                                       | Sở, ban, ngành chuyên môn/UBND cấp xã/nhà đầu tư quan tâm |
| 10.4      | Khu xử lý chất thải Đồng Văn                                                                                                        | Phường Hồng An       | 56                                      | Sở, ban, ngành chuyên môn/UBND cấp xã/nhà đầu tư quan tâm |
| 10.5      | Khu xử lý chất thải Đồng Bài                                                                                                        | Đặc khu Cát Hải      | 5                                       | Sở, ban, ngành chuyên môn/UBND cấp xã/nhà đầu tư quan tâm |

| TT    | Dự án                                                    | Địa điểm thực hiện    | Dự kiến diện tích (ha) | Chủ trì đề xuất dự án                                     |
|-------|----------------------------------------------------------|-----------------------|------------------------|-----------------------------------------------------------|
| 10.6  | Khu xử lý chất thải Bạch Long Vĩ                         | Đặc khu Bạch Long Vĩ  | 0,6                    | Sở, ban, ngành chuyên môn/UBND cấp xã/nhà đầu tư quan tâm |
| 10.7  | Khu xử lý chất thải Tân Trào                             | Xã Kiến Hưng          | 10                     | Sở, ban, ngành chuyên môn/UBND cấp xã/nhà đầu tư quan tâm |
| 10.8  | Khu xử lý chất thải Ngọc Chử                             | Xã An Trường          | 10                     | Sở, ban, ngành chuyên môn/UBND cấp xã/nhà đầu tư quan tâm |
| 10.9  | Khu xử lý chất thải Cấp Tiến-Kiến Thiết                  | Xã Tân Minh           | 30                     | Sở, ban, ngành chuyên môn/UBND cấp xã/nhà đầu tư quan tâm |
| 10.10 | Khu xử lý chất thải Thượng Hồng                          | Xã Thượng Hồng        | 4-11                   | Sở, ban, ngành chuyên môn/UBND cấp xã/nhà đầu tư quan tâm |
| 10.11 | Khu xử lý chất thải Chí Linh                             | Phường Trần Nhân Tông | 10                     | Sở, ban, ngành chuyên môn/UBND cấp xã/nhà đầu tư quan tâm |
| 10.12 | Khu xử lý chất thải Kinh Môn                             | Phường Nhị Chiểu      | 10                     | Sở, ban, ngành chuyên môn/UBND cấp xã/nhà đầu tư quan tâm |
| 10.13 | Khu xử lý chất thải Hồng Châu                            | Xã Hồng Châu          | 10-15                  | Sở, ban, ngành chuyên môn/UBND cấp xã/nhà đầu tư quan tâm |
| 10.14 | Khu xử lý chất thải rắn xây dựng Hiệp Sơn                | Phường Phạm Sư Mạnh   | 17,3                   | Sở, ban, ngành chuyên môn/UBND cấp xã/nhà đầu tư quan tâm |
| 10.15 | Khu xử lý chất thải rắn xây dựng Bến Rừng (KCN Bến Rừng) | Phường Nam Triệu      | 3                      | Sở, ban, ngành chuyên môn/UBND cấp xã/nhà đầu tư quan tâm |
| 10.16 | Khu xử lý chất thải rắn xây dựng Đồng Hòa                | Phường Lê Chân        | 3                      | Sở, ban, ngành chuyên môn/UBND cấp xã/nhà đầu tư quan tâm |
| 10.17 | Khu xử lý chất thải rắn xây dựng Nam An Phú              | Xã Nam An Phú         | 3-5                    | Sở, ban, ngành chuyên môn/UBND cấp xã/nhà đầu tư quan tâm |
| 10.18 | Khu xử lý chất thải rắn xây dựng Ninh Giang              | Xã Ninh Giang         | 3                      | Sở, ban, ngành chuyên môn/UBND cấp xã/nhà đầu tư quan tâm |

| TT        | Dự án                                                                | Địa điểm thực hiện     | Dự kiến diện tích (ha) | Chủ trì đề xuất dự án                                     |
|-----------|----------------------------------------------------------------------|------------------------|------------------------|-----------------------------------------------------------|
| 10.19     | Khu xử lý chất thải rắn xây dựng Cẩm Giàng                           | Xã Cẩm Giàng           | 3                      | Sở, ban, ngành chuyên môn/UBND cấp xã/nhà đầu tư quan tâm |
| 10.20     | Khu xử lý chất thải rắn xây dựng Bàng La                             | Phường Nam Đồ Sơn      | 5                      | Sở, ban, ngành chuyên môn/UBND cấp xã/nhà đầu tư quan tâm |
| <b>11</b> | <b>Các dự án nước sạch, nghĩa trang</b>                              |                        |                        |                                                           |
| 11.1      | Nhà máy nước sạch Nam Thanh Miện (02 vị trí)                         | Xã Nam Thanh Miện      | 8,88                   | Sở, ban, ngành chuyên môn/UBND cấp xã/nhà đầu tư quan tâm |
| 11.2      | Nhà máy nước sạch Tuần Việt công suất 15.000m <sup>3</sup> /ngày đêm | xã Lai Khê             | 0,88                   | Sở, ban, ngành chuyên môn/UBND cấp xã/nhà đầu tư quan tâm |
| 11.3      | Nghĩa trang phía Bắc phường Cổ Thành                                 | Phường Chí Linh        | 16                     | Sở, ban, ngành chuyên môn/UBND cấp xã/nhà đầu tư quan tâm |
| 11.4      | Nghĩa trang xã Bắc An                                                | Phường Nguyễn Trãi     | 100                    | Sở, ban, ngành chuyên môn/UBND cấp xã/nhà đầu tư quan tâm |
| 11.5      | Nghĩa trang phường Hiệp Sơn                                          | Phường Phạm Sư Mạnh    | 10                     | Sở, ban, ngành chuyên môn/UBND cấp xã/nhà đầu tư quan tâm |
| 11.6      | Nghĩa trang Kim Thành                                                | Xã Phú Thái            | 20                     | Sở, ban, ngành chuyên môn/UBND cấp xã/nhà đầu tư quan tâm |
| 11.7      | Nghĩa trang Thanh Hà                                                 | Xã Thanh Hà            | 10                     | Sở, ban, ngành chuyên môn/UBND cấp xã/nhà đầu tư quan tâm |
| 11.8      | Nghĩa trang Thúc Kháng - Kê Sặt                                      | Xã Kê Sặt              | 10                     | Sở, ban, ngành chuyên môn/UBND cấp xã/nhà đầu tư quan tâm |
| 11.9      | Nghĩa trang Thái Hòa                                                 | Xã Thượng Hồng         | 4-7                    | Sở, ban, ngành chuyên môn/UBND cấp xã/nhà đầu tư quan tâm |
| 11.10     | Nghĩa trang Đồng Rừng                                                | X. Tân Minh, Tiên Minh | 94,5                   | Sở, ban, ngành chuyên môn/UBND cấp xã/nhà đầu tư quan tâm |
| 11.11     | Khu đất đầu tư xây dựng nghĩa trang thôn Trúc Khê, xã Nam Sách       | Xã Nam Sách            | 1,12                   | Sở, ban, ngành chuyên môn/UBND cấp xã/nhà đầu tư quan tâm |

**Phụ lục II****DANH MỤC DỰ ÁN ƯU TIÊN THU HÚT ĐẦU TƯ TRONG KHU THƯƠNG MẠI  
TỰ DO TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG, GIAI ĐOẠN 2026-2030***((kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /9/2026  
của Ủy ban nhân dân thành phố))*

| STT | Ngành, nghề, dự án                                                                                                                                         | Địa điểm thực hiện                                                                     | Dự kiến diện tích (ha)                  | Chủ trì đề xuất dự án |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|-----------------------|
| 1   | <b>Dự án thương mại - dịch vụ, tài chính, R&amp;D và dịch vụ hỗ trợ</b>                                                                                    |                                                                                        |                                         |                       |
| 1.1 | Trung tâm thương mại quốc tế; trung tâm xuất nhập khẩu; trung tâm hội chợ - triển lãm hàng hóa; sàn giao dịch hàng hóa; thương mại điện tử xuyên biên giới | Khu thương mại - dịch vụ tại các vị trí; ưu tiên Vị trí 2 và Vị trí 3                  | Theo quy hoạch được duyệt/đề xuất dự án | Nhà đầu tư            |
| 1.2 | Trung tâm dịch vụ tài chính, ngân hàng, bảo hiểm...                                                                                                        | Khu thương mại - dịch vụ; ưu tiên Vị trí 2 và Vị trí 3                                 | Theo quy hoạch được duyệt/đề xuất dự án | Nhà đầu tư            |
| 1.3 | Trung tâm nghiên cứu và phát triển (R&D), đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp; phòng thí nghiệm, kiểm định, thử nghiệm, chứng nhận và hiệu chuẩn                 | Khu công nghệ cao, khu sản xuất hoặc thương mại - dịch vụ tại 03 vị trí theo quy hoạch | Theo quy hoạch được duyệt/đề xuất dự án | Nhà đầu tư            |
| 1.4 | Cơ sở giáo dục, đào tạo nghề quốc tế; đào tạo nhân lực logistics, bán dẫn, công nghệ cao và kỹ năng số                                                     | Khu thương mại - dịch vụ hoặc khu chức năng hỗ trợ tại 03 vị trí                       | Theo quy hoạch được duyệt/đề xuất dự án | Nhà đầu tư            |
| 1.5 | Y tế, lưu trú, nhà ở và thương mại - dịch vụ hỗ trợ chuyên gia, người lao động                                                                             | Các khu chức năng phù hợp tại 03 vị trí theo quy hoạch                                 | Theo quy hoạch được duyệt/đề xuất dự án | Nhà đầu tư            |
| 2   | <b>Dự án sản xuất công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp hỗ trợ...</b>                                                                                     |                                                                                        |                                         |                       |
| 2.1 | Công nghiệp mạch tích hợp bán dẫn; thiết kế, chế tạo linh kiện, vi mạch tích hợp (IC), chip, vật liệu bán dẫn và điện tử linh hoạt                         | Khu sản xuất/công nghệ cao tại 03 vị trí theo quy hoạch                                | Theo quy hoạch được duyệt/đề xuất dự án | Nhà đầu tư            |
| 2.2 | Công nghệ thông tin, AI, điện toán đám mây, dữ liệu lớn, IoT, công nghệ tự động hóa, robot và giải pháp sản xuất thông minh                                | Khu sản xuất, R&D hoặc thương mại - dịch vụ tại 03 vị trí theo quy hoạch               | Theo quy hoạch được duyệt/đề xuất dự án | Nhà đầu tư            |

| STT | Ngành, nghề, dự án                                                                                                                                         | Địa điểm thực hiện                                      | Dự kiến diện tích (ha)                  | Chủ trì đề xuất dự án |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------|-----------------------------------------|-----------------------|
| 2.3 | Công nghệ sinh học; vật liệu mới, vật liệu xanh; composite/polyme tiên tiến; thiết bị năng lượng sạch và sản phẩm thân thiện môi trường                    | Khu sản xuất/công nghệ cao tại 03 vị trí theo quy hoạch | Theo quy hoạch được duyệt/đề xuất dự án | Nhà đầu tư            |
| 2.4 | Công nghiệp hỗ trợ cho công nghiệp công nghệ cao; công nghiệp mũi nhọn; cơ khí chính xác, linh kiện điện tử; sản xuất xuất khẩu sạch, giá trị gia tăng cao | Khu sản xuất tại các vị trí theo quy hoạch              | Theo quy hoạch được duyệt/đề xuất dự án | Nhà đầu tư            |

**\* Ghi chú:**

- Địa điểm, quy mô dự án được xác định trong quá trình lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch và lập, đề xuất chủ trương đầu tư, trên cơ sở được cấp có thẩm quyền chấp thuận theo quy định của pháp luật có liên quan.

- Hình thức đầu tư được xác định theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền, phù hợp với quy định của pháp luật có liên quan.

- Danh mục Dự án ưu tiên thu hút đầu tư trên địa bàn thành phố Hải Phòng giai đoạn 2026 - 2030 được cập nhật, điều chỉnh, bổ sung phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội, Quy hoạch thành phố Hải Phòng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và các quy hoạch ngành, lĩnh vực có liên quan theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.